

Số: /STP-XDKTVB
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết về
chính sách đất đai đối với đồng
bào dân tộc thiểu số sinh sống
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Lâm Đồng, ngày tháng 5 năm 2025

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1237/SNNMT-QLĐĐ ngày 09/5/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc truyền thông, đăng tải và đề nghị góp ý dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (*sau đây gọi tắt là dự thảo*). Sau khi nghiên cứu nội dung của dự thảo và các văn bản có liên quan, Sở Tư pháp có một số ý kiến góp ý như sau:

1. Về trình tự, thủ tục

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, để thực hiện trình tự, thủ tục cho đảm bảo. Cụ thể như:

- **Về đăng ký xây dựng nghị quyết:** Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 43 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

- **Về thực hiện công tác truyền thông chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:**

Tại khoản 4 Điều 68 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2025): “4. Cơ quan lập đề xuất chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm trước cơ quan trình hoặc cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tiến độ, chất lượng lập đề xuất chính sách, soạn thảo; truyền thông chính sách và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; việc tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn, phản biện xã hội, thẩm định, thẩm tra.”

Bên cạnh đó, tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, quy định:

“1. Việc truyền thông được thực hiện từ thời điểm lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp về chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đến khi cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền thông qua hoặc ban hành.

2. Trừ văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước, nội dung truyền thông bao gồm:

a) Sự cần thiết ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật;

b) Nội dung cơ bản bao gồm: nội dung mới, sửa đổi, bổ sung của chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;

c) Nội dung khác (nếu có).

3. Cơ quan lập đề xuất chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng nội dung truyền thông theo quy định tại khoản 2 Điều này bảo đảm ngắn gọn, dễ hiểu để đăng tải trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan mình và tổ chức truyền thông bằng hình thức phù hợp.”

Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc truyền thông dự thảo Nghị quyết theo quy định nêu trên.

- **Lưu ý:** Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2025. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo theo dõi, cập nhật các quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành để cập nhật các quy định về trình tự, thủ tục, các biểu mẫu có liên quan về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho đảm bảo. Ví dụ, **cần lưu ý một số nội dung** về việc lấy ý kiến trong quá trình xây dựng văn bản QPPL, hồ sơ gửi thẩm định,...cụ thể như:

+ Về việc lấy ý kiến, lưu ý hình thức lấy ý kiến và việc đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP:

“Điều 2. Lấy ý kiến trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm đăng tải dự án, dự thảo văn bản trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan mình theo quy định của Luật và Nghị định này, trừ trường hợp nội dung văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

2. Cơ quan lập đề xuất chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học về chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật và Nghị định này;

b) Xác định nội dung lấy ý kiến phù hợp với từng đối tượng cần lấy ý kiến, nêu rõ địa chỉ tiếp nhận ý kiến góp ý.

3. Việc lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện trực tiếp hoặc thông qua tổ chức đại diện theo quy định của pháp luật về tổ chức chính trị - xã hội, pháp luật về hội.

4. Hình thức lấy ý kiến:

a) Bằng văn bản;

b) Thông qua hội nghị, phương tiện thông tin đại chúng hoặc hình thức phù hợp khác;

c) Thông qua việc đăng tải dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên cổng hoặc trang thông tin điện tử.

5. Cơ quan lập đề xuất chính sách, **cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến góp ý; đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày.**

+ Việc “**Tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp;**” thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

+ Lưu ý hồ sơ gửi thẩm định phải đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP:

“2. Cơ quan chủ trì soạn thảo **gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 44 của Nghị định này và bản tổng hợp ý kiến, tiếp**

thu, giải trình ý kiến góp ý.”

Trong đó, **khoản 3 Điều 44** Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, quy định:

“a) Tờ trình;

b) Dự thảo nghị quyết;

c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

d) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;

đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp (nếu có);

e) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo trong trường hợp soạn thảo nghị quyết quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật.

Trong đó, lưu ý Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo, cơ quan soạn thảo cần phải thuyết minh được cơ sở pháp lý, thực tiễn, lý do vì sao tham mưu, đề xuất nội dung quy định từng điều, khoản của dự thảo.

2. Đối với dự thảo Nghị quyết

- Tại phần căn cứ:

+ Tại căn cứ thứ sáu: Đề nghị cơ quan soạn thảo không sử dụng Quyết định này làm căn cứ pháp lý. Bởi vì đây là văn bản hành chính, không phù hợp với quy định tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP: *“Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành. Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản.”*

+ Tại nội dung kết thúc phần căn cứ: Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ từ “tỉnh” sau cụm từ “Hội đồng nhân dân” cho phù hợp **Mẫu số 17** Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

- **Tại Điều 1:** Đề nghị xem xét lại cụm từ “ban hành” cho phù hợp với tên gọi của dự thảo.

- **Tại Điều 2:** Đề nghị rà soát toàn bộ nội dung để tránh bỏ sót đối tượng áp dụng, ví dụ tại khoản 3 cần xem xét có cần phải quy định thêm “cá nhân khác có liên quan” cho đầy đủ.

- **Tại Điều 3:** Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét các chính sách tại dự thảo cho đảm tính phù hợp, thống nhất với quy định hiện hành có liên quan. Ví dụ:

+ Khoản 1: Dự thảo quy định còn chung chung, đề nghị xem xét tính khả thi của nội dung này trên thực tế.

+ Khoản 2: Dự thảo quy định:

“a) **Trường hợp không có đất ở** hoặc không còn đất ở thì được giao đất ở trong hạn mức đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trường hợp thiếu đất ở so với hạn mức đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì **được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong cùng một thửa đất** và trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.”.

Tuy nhiên, tại điểm a khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024 quy định:

“3. Có chính sách hỗ trợ đất đai để bảo đảm ổn định cuộc sống cho cá nhân là người dân tộc thiểu số đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất quy định tại khoản 2 Điều này nhưng nay không còn đất hoặc thiếu đất so với hạn mức mà thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi như sau:

*a) **Trường hợp không còn đất ở** thì được giao tiếp đất ở, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở trong hạn mức giao đất ở và được miễn, giảm tiền sử dụng đất. **Trường hợp thiếu đất ở** thì **cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở trong hạn mức giao đất ở và được miễn, giảm tiền sử dụng đất;**”*

Đồng thời, tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, quy định:

“1. Việc hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai thực hiện như sau:

*a) **Đối với trường hợp không còn đất ở** thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở; người sử dụng đất được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.*

Trường hợp thiếu đất ở so với hạn mức giao đất ở thì được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở và được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở;

...”

+ Tương tự, đối với khoản 3, khoản 4 dự thảo lần lượt quy định:

“3.

... Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh không còn đất sản xuất nông nghiệp hoặc diện tích đất sản xuất nông nghiệp đang sử dụng không đủ từ 50% diện tích đất so với hạn mức giao đất nông nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trở lên thì **được giao, hỗ trợ đất sản xuất nông nghiệp một lần** trong hạn mức đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.”

“4.

... Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh không còn đất sản xuất nông nghiệp hoặc diện tích đất sản xuất nông nghiệp đang sử dụng không đủ từ 50% diện tích đất so với hạn mức giao đất nông nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trở lên **thì được hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh**; trừ trường hợp đã được giao, hỗ trợ tại khoản 3 Điều này.”

Tuy nhiên, đề nghị đối chiếu với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024 và điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP để quy định được thống nhất, cụ thể lần lượt quy định như sau:

“b) Trường hợp không còn hoặc thiếu đất nông nghiệp thì được giao tiếp đất nông nghiệp trong hạn mức không thu tiền hoặc cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và được miễn, giảm tiền thuê đất.”

“b) Đối với trường hợp không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức giao đất nông nghiệp của địa phương thì được giao tiếp đất nông nghiệp trong hạn mức.”

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu lại quy định tại dự thảo cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024, khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

- **Tại nội dung quy định về hiệu lực thi hành:** Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định 01 điều, quy định về hiệu lực thi hành cho phù hợp với Điều 67 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

3. Đối với dự thảo Tờ trình

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu **Mẫu số 02** Phụ lục IV ban hành kèm

theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP để trình bày bổ cục lại dự thảo Tờ trình cho phù hợp.

Ngoài ra, đối với các nội dung chỉnh sửa tại dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo đồng thời chỉnh sửa tại dự thảo Tờ trình cho thống nhất.

Đồng thời, đối với **Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý**, đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày theo **Mẫu số 09 Phụ lục IV** ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo theo **Mẫu số 10 Phụ lục IV** ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Trên đây là ý kiến góp ý của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Sở Tư pháp kính gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc;
- Phó Giám đốc phụ trách;
- Trang TTĐT STP;
- Lưu: VT, XDKTVB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Văn Thúc